

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **106/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 05/02/2021

V/v Tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Thu Vân

2. Ông Phạm Thành Trại

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Ngô Hoàng Huy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Lương Thị Trà My** – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 598/2020/TB-TLVA ngày 07 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13A/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Ngô Văn C, sinh năm 1965; (Có mặt)

Địa chỉ: ấp LT, xã BL, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

*** Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1963; (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp LT, xã BL, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện ngày 05/10/2020 và bản tự khai cũng như trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn – ông Ngô Văn C trình bày:**

Ông và bà Nguyễn Thị B chung sống và cưới nhau từ năm 1985, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Bàn Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang ngày 29/9/2004.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 1997 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn về vấn đề tài chính, ông không có quyền quyết định trong nhà, mọi việc trong gia đình đều do vợ ông quyết định mà không hỏi ý kiến của ông nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, vợ chồng ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay.

Nay do tình cảm vợ chồng không còn, đời sống vợ chồng không thể sống chung với nhau, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông C yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông xin được ly hôn với bà Nguyễn Thị B.
2. Về con chung: Ông bà có 03 con chung tên Ngô Thị Mỹ P, sinh năm 1988, Ngô Thị Mỹ D, sinh năm 1990 và Ngô Thị Mỹ V, sinh năm 1992, hiện các con chung đã thành niên nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.
3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản tự khai ngày 22/10/2020, bị đơn – bà Nguyễn Thị B trình bày:**

Bà thống nhất với chồng tôi là ông Ngô Văn C về quá trình kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Quá trình chung sống vợ chồng có những xích mích nhỏ, nguyên nhân ông C xin ly hôn là do có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, vợ chồng ly thân từ cuối năm 2016. Nên, đối với yêu cầu xin ly hôn của ông C, bà có ý kiến:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà không đồng ý ly hôn vì tình nghĩa vợ chồng đã sống chung với nhau nhiều năm.

- Về con chung: Ông bà có 03 con chung tên Ngô Thị Mỹ P, sinh năm 1988, Ngô Thị Mỹ D, sinh năm 1990 và Ngô Thị Mỹ V, sinh năm 1992, hiện các con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Ngô Văn C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị B có đơn xin vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Ngô Văn C và bà Nguyễn Thị B tự nguyện chung sống vào năm 1985, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Bàn Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 186, quyền số 01/2004 ngày 29/9/2004 thuộc trường hợp đăng ký kết hôn theo nghị định 77/2001/NĐ-CP, hôn nhân có hiệu lực từ ngày 20/7/1985 (bút lục 03) nên quan hệ hôn nhân giữa ông Ngô Văn C và bà Nguyễn Thị B là hợp pháp.

[2.1.3] Quá trình chung sống, ông C cho rằng thời gian mâu thuẫn kéo dài đã lâu, nguyên nhân mâu thuẫn âm ỉ kéo dài do mâu thuẫn về tiền bạc, vợ ông không tôn trọng ông nên ông đã xin ly hôn vào năm 2019 nhưng Tòa không chấp nhận cho vợ chồng ông bà ly hôn, nhưng từ đó đến nay giữa vợ chồng cũng không giải quyết được mâu thuẫn mà mỗi người có một cuộc sống riêng, vợ chồng không còn tiếng nói chung, không còn yêu thương nhau, giúp đỡ và chia sẻ nhau trong cuộc sống, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, vợ chồng sống ly thân đầu năm 2017 đến nay.

[2.1.4] Bà B cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng là do ông C có quan hệ tình cảm với người khác, chứ vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, vợ chồng không còn sống chung và đã ly thân từ cuối năm 2016 đến nay. Nay bà không đồng ý ly hôn vì dù vợ chồng không sống chung với nhau nhưng vẫn còn tình nghĩa vợ chồng nhiều năm.

[2.1.5] Xét thấy, ông C và bà B đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và Gia đình, ông C và bà B không còn thương yêu, quan tâm, chia sẻ, chăm sóc giúp đỡ nhau và sống chung với nhau nên quan hệ hôn nhân giữa ông C và bà B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông C.

[2.2] Về con chung: Ông Ngô Văn C và bà Nguyễn Thị B có 03 con chung tên Ngô Thị Mỹ P, sinh năm 1988, Ngô Thị Mỹ D, sinh năm 1990 và Ngô Thị Mỹ V, sinh năm 1992, hiện các con chung đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông C, bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên căn cứ vào Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông Ngô Văn C phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 53, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Ngô Văn C.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Ngô Văn C được ly hôn với bà Nguyễn Thị B.

- Về con chung: Không xem xét.

- Về tài sản chung: Không xem xét.

- Về nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Ngô Văn C phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ông Ngô Văn C đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0003262 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, Tiền Giang nên ông Ngô Văn C đã nộp xong.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG;
- VKSND H. Châu Thành-TG;
- THADS H. Châu Thành-TG;
- UBND xã Bàn Long- Châu Thành -TG;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Nguyễn Thị Mai Thanh